

Số: 15 /NQ-HĐND

Bà Rịa, ngày 10 tháng 11 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc điều chỉnh Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bà Rịa về việc điều chỉnh Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bà Rịa về Kế hoạch đầu tư công năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÀ BÀNG  
KHOÁ III, KỲ HỌP THỨ TÁM (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bà Rịa về việc điều chỉnh Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bà Rịa về việc điều chỉnh Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bà Rịa về Kế hoạch đầu tư công năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 24/BC-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất điều chỉnh Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bà Rịa về việc điều chỉnh Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bà Rịa về Kế hoạch đầu tư công năm 2023, cụ thể như sau:

1. Tổng vốn Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2023 là 124 tỷ 046 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn phân cấp theo tiêu chí: 121 tỷ 816 triệu đồng.
- Nguồn vốn kết dư ngân sách huyện: 02 tỷ 230 triệu đồng.

2. Điều chỉnh vốn từng công trình như sau:

- Vốn phân cấp theo tiêu chí: Tăng vốn 11 công trình, số tiền tăng: 15 tỷ 907 triệu đồng; Giảm vốn 11 công trình, số tiền giảm: 15 tỷ 907 triệu đồng
- Vốn kết dư ngân sách huyện: Điều chỉnh giảm vốn 04 công trình với tổng số tiền 07 tỷ 770 triệu đồng.

(Đính kèm phụ lục chi tiết)

**Điều 2.** Giao cho Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bà Rịa khoá III, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ Tám (chuyên đề) thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./...

**Nơi nhận:**

- TT. HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT. HU; TT. HĐND huyện;
- UBND huyện; UBMTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT

**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Khiêm

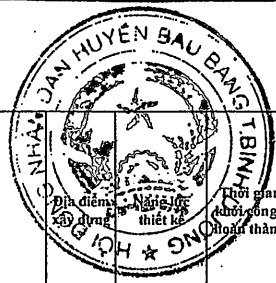


**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**  
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng)

Biểu mẫu số 46

Đơn vị: Ngân đồng

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2022				Lý lịch vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh năm 2023			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn						
							Ngoài nước	NS trung ương			Ngân sách huyện	Ngoài nước			NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện	
<b>1</b>	<b>TỔNG SỐ (A+B)</b>					<b>125.781.021</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>125.781.021</b>	<b>86.264.718</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>86.264.718</b>	<b>63.761.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>63.761.000</b>	<b>124.046.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>124.046.000</b>
<b>A</b>	<b>VỐN PHÂN CẤP THEO TIÊU CHÍ</b>					<b>111.277.519</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>111.277.519</b>	<b>85.114.718</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>85.114.718</b>	<b>62.561.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>62.561.000</b>	<b>121.816.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>121.816.000</b>
<b>A.1</b>	<b>Hạ tầng giao thông, công nghiệp</b>					<b>29.644.472</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>29.644.472</b>	<b>18.509.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18.509.000</b>	<b>18.509.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18.509.000</b>	<b>54.688.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>54.688.000</b>
	Ban Quản lý dự án					<b>8.954.307</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.954.307</b>	<b>4.700.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.700.000</b>	<b>4.700.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.700.000</b>	<b>13.582.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13.582.000</b>
<b>I</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>					<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>150.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>150.000</b>
<b>1</b>	Đầu tư nâng cấp lưới điện tại một số khu vực áp Bến Tượng, áp Cầu Đồi và áp Lai Khê xã Lai Hưng	LN	Nhóm C															<b>50.000</b>			<b>50.000</b>
<b>2</b>	Nâng cấp BTNT đường liên ấp 2, 3, 4 xã Tân Hưng	CT	Nhóm C															<b>50.000</b>			<b>50.000</b>
<b>3</b>	Nâng cấp BTNN đường DH618 và hệ thống thoát nước (Trường MN Lai Uyên - đường ĐT741C)	LU	Nhóm C															<b>50.000</b>			<b>50.000</b>
<b>11</b>	Thực hiện dự án					<b>8.954.307</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.954.307</b>	<b>4.700.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.700.000</b>	<b>4.700.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.700.000</b>	<b>13.432.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13.432.000</b>
	Dự án chuyển tiếp					<b>8.954.307</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.954.307</b>	<b>4.650.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.650.000</b>	<b>4.650.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.650.000</b>	<b>4.934.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.934.000</b>
<b>1</b>	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấp Hồ Muôn, Nhà Mát, Suối Tre, Bà Phái, Long Hùng xã Long Nguyễn.	LN	Nhóm C	2022-2023	Số 468 ngày 01/3/2022	<b>8.954.307</b>			<b>8.954.307</b>	<b>4.650.000</b>			<b>4.650.000</b>	<b>4.650.000</b>			<b>4.650.000</b>	<b>1.253.000</b>			<b>1.253.000</b>
<b>2</b>	Nâng cấp, lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên ĐT- 749a xã Long Nguyễn.	LN	Nhóm C	2022-2023		<b>0</b>			<b>0</b>	<b>0</b>			<b>0</b>	<b>0</b>			<b>4.650.000</b>	<b>1.285.000</b>			<b>1.285.000</b>
<b>3</b>	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch (khu đất 86,425m2), xã Long Nguyễn	LU	Nhóm C	2022-2023		<b>0</b>			<b>0</b>	<b>0</b>			<b>0</b>	<b>0</b>			<b>4.650.000</b>	<b>2.396.000</b>			<b>2.396.000</b>
	Khởi công mới					<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>50.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>50.000</b>	<b>8.498.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.498.000</b>
<b>1</b>	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấp Trảng Lớn, Sa Thềm, Bến Sắn xã Long Nguyễn.	LN	Nhóm C	2022-2023					<b>50.000</b>	<b>50.000</b>			<b>50.000</b>	<b>50.000</b>			<b>50.000</b>	<b>8.498.000</b>			<b>8.498.000</b>
	Phòng Quản lý đô thị					<b>20.690.165</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>20.690.165</b>	<b>13.809.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13.809.000</b>	<b>13.809.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13.809.000</b>	<b>41.106.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>41.106.000</b>
<b>I</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>					<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>300.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>300.000</b>
<b>1</b>	Nâng cấp BTXM đường số 80 xã Hưng Hòa	LH	Nhóm C															<b>50.000</b>			<b>50.000</b>
<b>2</b>	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên - 21 thị trấn Lai Uyên	LH	Nhóm C															<b>50.000</b>			<b>50.000</b>
<b>3</b>	Nâng cấp BTNN đường ĐT750 đến gỗ Bình Định ấp 3 xã Trừ Văn Thố	LN	Nhóm C															<b>50.000</b>			<b>50.000</b>
<b>4</b>	Nâng cấp BTNN đường tổ 3 ấp Bung Thuốc xã Long Nguyễn	LN	Nhóm C															<b>50.000</b>			<b>50.000</b>
<b>5</b>	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 13 - Nhà ống Nghĩa xã Lai Hưng	HH	Nhóm C															<b>50.000</b>			<b>50.000</b>
<b>6</b>	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên - 72 thị trấn Lai Uyên	CT	Nhóm C															<b>50.000</b>			<b>50.000</b>
<b>11</b>	Thực hiện dự án					<b>20.690.165</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>20.690.165</b>	<b>13.809.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13.809.000</b>	<b>13.809.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13.809.000</b>	<b>40.806.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>40.806.000</b>
	Dự án chuyển tiếp					<b>20.690.165</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>20.690.165</b>	<b>13.059.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13.059.000</b>	<b>13.059.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13.059.000</b>	<b>1.208.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.208.000</b>



Đơn vị: Ngân đồng

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Loại hình thiết kế	Hiện trạng	Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2022				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh năm 2023			
						Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số				Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện
1	Nâng cấp BTNN đường áp Suối Cạn gồm tuyến Ông Cường - Ông An (số 35); tuyến Ông Hùng - Bà Bé (số 36); tuyến Ông Thịnh - Ông Long (số 37) và tuyến Ông Liên - Ông Chuẩn (số 38) xã Cây Trường	LH	Nhóm C	2022-2023	Số 1589 ngày 01/6/2022	10.269.615			10.269.615	4.050.000			4.050.000	4.050.000			4.050.000	795.000			795.000
2	Nâng cấp BTNN đường ĐT750 đến nhà Ông Nghĩa ấp 3 Trừ Văn Thố	LH	Nhóm C	2022-2023	Số 1595 ngày 01/6/2022	4.488.999			4.488.999	4.072.000			4.072.000	4.072.000			4.072.000	221.000			221.000
3	Nâng cấp BTNN đường ông Nghiêm - Gara Tường Vy - Cây Xăng bà 7 - Miếu ông Đen (TT Lai Uyên - 08, 10)	CT	Nhóm C	2022-2023	Số 1588 ngày 01/6/2022	2.523.175			2.523.175	1.650.000			1.650.000	1.650.000			1.650.000	126.000			126.000
4	Nâng cấp BTXM đường ông Tuấn - ông Hải ấp 1 (Đường số 87) xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2022-2023	Số 307 ngày 17/02/2022	1.129.014			1.129.014	1.083.000			1.083.000	1.083.000			1.083.000	22.000			22.000
5	Nâng cấp BTXM đường ấp 1 Hưng Hòa gồm các tuyến số (05, 13, 15, 25, 89, 91)	HH	Nhóm C	2022-2023	Số 306 ngày 17/02/2022	2.279.362			2.279.362	2.204.000			2.204.000	2.204.000			2.204.000	44.000			44.000
	Khởi công mới					0	0	0	0	750.000	0	0	750.000	750.000	0	0	750.000	39.598.000	0	0	39.598.000
1	Nâng cấp BTNN đường nhà Anh Tiến - Ông Hai Quán xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2022-2023					50.000				50.000	50.000			50.000	2.500.000			2.500.000
2	Nâng cấp BTNN đường từ Đất ông Phó - Giáp ngã 3 ông Út Lý xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2022-2023					50.000				50.000	50.000			50.000	2.000.000			2.000.000
3	Nâng cấp BTXM đường tổ 1,4,5 ấp Bà Phái, xã Long Nguyễn	LN	Nhóm C	2022-2023					50.000				50.000	50.000			50.000	3.800.000			3.800.000
4	Nâng cấp BTNN đường tổ 1,2 ấp Trảng Lớn, xã Long Nguyễn (gồm 02 nhánh)	LN	Nhóm C	2022-2023					50.000				50.000	50.000			50.000	3.000.000			3.000.000
5	Nâng cấp BTXM đường ấp 3 xã Hưng Hòa các tuyến số 18, 24, 30, 36, 46, 48)	HH	Nhóm C	2022-2023					50.000				50.000	50.000			50.000	2.500.000			2.500.000
6	Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến Cao su Bà Thanh đến Cao su Becamex và tuyến Ông Nghiệp - Ông Quân ấp Bà Tú Cây Trường	CT	Nhóm C	2022-2023					50.000				50.000	50.000			50.000	4.798.000			4.798.000
7	Nâng cấp BTNN đường ông 5 Sứ ( TT Lai Uyên 73)	LU	Nhóm C	2022-2023					50.000				50.000	50.000			50.000	2.500.000			2.500.000
8	Nâng cấp BTNN đường Ông Tú Trang-ông 4 Tấn (TT Lai Uyên - 60)	LU	Nhóm C	2022-2023					50.000				50.000	50.000			50.000	3.500.000			3.500.000
9	Nâng cấp BTXM đường nhà ông Mạo đến nhà ông Phước, tổ 8 ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2022-2023					50.000				50.000	50.000			50.000	1.500.000			1.500.000
10	Nâng cấp BTNN đường từ ĐT 750 đến nhà ông Duyên ấp 1 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2022-2023					50.000				50.000	50.000			50.000	1.500.000			1.500.000
11	Nâng cấp BTXM đường HCM đến giáp ranh xã Cây Trường II	TVT	Nhóm C	2022-2023					50.000				50.000	50.000			50.000	1.500.000			1.500.000
12	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên 16, 22, 66, 86, 90 và đường tổ 01 Khu phố Đồng Số, Thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2022-2023					100.000				100.000	100.000			100.000	2.500.000			2.500.000
13	Nâng cấp Lấp dật HTCS tuyến đường Lai Hưng-09; Lai Hưng-10; Lai Hưng-20; Lai Hưng-22; Lai Hưng-25 Lai Hưng 30; Lai Hưng-32; Lai Hưng-33; Lai Hưng-35 xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2022-2023					50.000				50.000	50.000			50.000	2.000.000			2.000.000

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Nhóm lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2022				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh năm 2023							
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn									
							Ngoài nước	NS trung ương			Ngân sách huyện	Ngoài nước			NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện				
14	Nâng cấp BTNN đường Long Nguyên 21 và đường tổ 5 ấp Long Hưng xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2022-2023					50.000			50.000	50.000			50.000	2.000.000			2.000.000				
15	Gia cố chống sạt lở suối Đòn Gánh, ấp Hồ Muôn, xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2022-2023					0				0				4.000.000			4.000.000				
	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện																0			0				
I	Khởi công mới																0			0				
1	Giải phóng mặt bằng các tuyến đường lộ nông trường cao su do công ty cao su giao lại cho địa phương và các văn phòng ấp trên địa bàn huyện Bầu Bàng	BB	Nhóm C	2022-2023													0			0				
A.2	Quản lý nhà nước								59.079.329	0	0	59.079.329	44.052.000	0	0	44.052.000	44.052.000	0	0	44.052.000	60.778.000	0	0	60.778.000
	Ban Quản lý dự án								59.079.329	0	0	59.079.329	44.052.000	0	0	44.052.000	44.052.000	0	0	44.052.000	60.778.000	0	0	60.778.000
I	Chuẩn bị đầu tư								0	0	0	0	0	0	0	0	300.000	0	0	300.000				
1	Xây mới văn phòng ấp 3 xã Tân Hưng	CT	Nhóm C														50.000			50.000				
2	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 xã Hưng Hòa	TH	Nhóm C														50.000			50.000				
3	Xây dựng Nhà Văn hóa khu phố Bầu Hối TT Lai Uyên	LH	Nhóm C														50.000			50.000				
4	Xây dựng mới hội trường xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C														50.000			50.000				
5	Xây dựng mới hội trường UBND thị trấn Lai Uyên	HH	Nhóm C														50.000			50.000				
6	Xây dựng văn phòng ấp Bà phải xã Long Nguyên	HH	Nhóm C														50.000			50.000				
II	Thực hiện dự án								59.079.329	0	0	59.079.329	44.052.000	0	0	44.052.000	44.052.000	0	0	44.052.000	60.478.000	0	0	60.478.000
	Dự án chuyển tiếp								59.079.329	0	0	59.079.329	43.652.000	0	0	43.652.000	43.652.000	0	0	43.652.000	11.823.000	0	0	11.823.000
1	Xây dựng mới Văn phòng làm việc Khối Đoàn thể xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2021-2023	Số 2561 ngày 24/6/2021	10.550.000		10.550.000	9.550.000			9.550.000	9.550.000			9.550.000	536.000			536.000				
2	Xây dựng mới văn phòng ấp 3 xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2021-2023	Số 3081 ngày 02/8/2021	5.090.000		5.090.000	4.000.000			4.000.000	4.000.000			4.000.000	1.000.000			1.000.000				
3	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2021-2023	Số 2783 ngày 07/7/2021	4.908.000		4.908.000	3.500.000			3.500.000	3.500.000			3.500.000	878.000			878.000				
4	Xây mới văn phòng ấp 1 Tân Hưng	TH	Nhóm C	2021-2023	Số 3080 ngày 02/8/2021	5.069.000		5.069.000	2.360.000			2.360.000	2.360.000			2.360.000	2.400.000			2.400.000				
5	Xây mới văn phòng ấp 5 Tân Hưng	TH	Nhóm C	2021-2023	Số 3079 ngày 02/8/2021	5.085.000		5.085.000	3.381.000			3.381.000	3.381.000			3.381.000	1.600.000			1.600.000				
6	Xây dựng công viên Bằng Lăng thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2021-2023	Số 4372 ngày 06/12/2021	2.581.674		2.581.674	1.550.000			1.550.000	1.550.000			1.550.000	500.000			500.000				
7	Xây dựng Văn phòng Ấp Cầu Đôi xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2021-2023	Số 585 ngày 17/3/2022	4.991.260		4.991.260	2.550.000			2.550.000	2.550.000			2.550.000	2.050.000			2.050.000				
8	Xây dựng mới bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2021-2023	Số 4851 ngày 30/12/2021	4.471.502		4.471.502	3.478.000			3.478.000	3.478.000			3.478.000	313.000			313.000				
9	Xây dựng mới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2021-2023	Số 2540 ngày 03/8/2022	4.974.764		4.974.764	2.350.000			2.350.000	2.350.000			2.350.000	2.126.000			2.126.000				
10	Xây dựng mới Hội trường xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2021-2023	Số 1043 ngày 09/3/2021	11.358.129		11.358.129	10.933.000			10.933.000	10.933.000			10.933.000	420.000			420.000				



Đơn vị: Ngân đồng

STT	Danh mục				Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2022				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh năm 2023					
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
							Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện
	Khởi công mới				0	0	0	0	400.000	0	0	400.000	400.000	0	0	400.000	48.655.000	0	0	48.655.000	
1	Xây dựng mới văn phòng ấp 2 xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2022-2024					50.000			50.000	50.000			50.000	2.500.000			2.500.000	
2	Xây dựng mới văn phòng ấp Ông Chải xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2022-2024					50.000			50.000	50.000			50.000	3.500.000			3.500.000	
3	Xây dựng mới văn phòng ấp Bà Từ xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2022-2024					50.000			50.000	50.000			50.000	3.500.000			3.500.000	
4	Xây mới văn phòng ấp 2 xã Tân Hưng	TH	Nhóm C	2022-2024					50.000			50.000	50.000			50.000	100.000			100.000	
5	Xây dựng Văn phòng ấp Cầu Sắt xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2022-2024					50.000			50.000	50.000			50.000	5.000.000			5.000.000	
7	Xây dựng mới văn phòng ấp Hồ Muôn xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2022-2024					50.000			50.000	50.000			50.000	3.800.000			3.800.000	
8	Xây dựng mới văn phòng ấp Long Hưng xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2022-2024					50.000			50.000	50.000			50.000	3.800.000			3.800.000	
9	Xây dựng mới Trung tâm hành chính công huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2022-2024					50.000			50.000	50.000			50.000	15.965.000			15.965.000	
10	Cải tạo, sửa chữa Hội trường huyện và nhà ăn huyện ủy	LU	Nhóm C	2022-2024					0			0	0			0	3.000.000			3.000.000	
11	Nâng cấp nhà tưởng niệm anh hùng Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2022-2024					0			0	0			0	1.500.000			1.500.000	
12	Nghĩa trang liệt sĩ giai đoạn 2	LH	Nhóm C	2022-2024					0			0	0			0	2.990.000			2.990.000	
13	Xây dựng mới văn phòng ấp Suối tre xã Long Nguyên	HH	Nhóm C	2022-2024					0			0	0			0	1.500.000			1.500.000	
14	Xây dựng nhà kho tang vật huyện Bàu Bàng	HH	Nhóm C														1.500.000			1.500.000	
A.3	An ninh, Quốc phòng								22.553.718	0	0	22.553.718	22.553.718	0	0	0	6.290.000	0	0	6.290.000	
	Ban Quản lý dự án								22.553.718	0	0	22.553.718	22.553.718	0	0	0	6.280.000	0	0	6.280.000	
I	Chuẩn bị đầu tư																				
II	Thực hiện dự án								22.553.718	0	0	22.553.718	22.553.718	0	0	0	6.280.000	0	0	6.280.000	
	Dự án chuyển tiếp								22.553.718	0	0	22.553.718	22.553.718	0	0	0	6.280.000	0	0	6.280.000	
1	Xây dựng sân bóng đá mini và hồ bơi BCH Quân sự	LU	Nhóm C	2022-2023	Số 1192 ngày 29/4/2022	9.756.795		9.756.795	9.756.795			9.756.795					3.000.000			3.000.000	
2	Nhà ở tập thể đội cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2022-2023	Số 1193 ngày 29/4/2022	12.796.923		12.796.923	12.796.923			12.796.923	0				3.280.000			3.280.000	
	Công an huyện																10.000			10.000	
I	Chuẩn bị đầu tư																10.000			10.000	
1	Xây dựng hệ thống camera giám sát, điều hành giao thông, an ninh trật tự và xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện Bàu Bàng	BB	Nhóm C														10.000			10.000	
A.4	Hạ tầng văn hóa, xã hội								0	0	0	0	0	0	0	0	60.000	0	0	60.000	
	Ban Quản lý dự án								0	0	0	0	0	0	0	0	10.000	0	0	10.000	
I	Chuẩn bị đầu tư																				
II	Thực hiện dự án																10.000			10.000	
	Khởi công mới																10.000			10.000	



Đơn vị: Ngân đồng

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Nhóm lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2022	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022			Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh năm 2023									
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn						
							Ngoài nước				NS trung ương	Ngân sách huyện			Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện	Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện	
1	Xây dựng nhà thi đấu đa năng - Trung tâm văn hóa	LU	Nhóm C	2022-2023				0			0	0				10,000			10,000		
	Phòng Quản lý đô thị					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50,000	0	0	50,000		
I	Chuẩn bị đầu tư					0	0	0	0	0	0	0	0	0	50,000	0	0	50,000			
1	Cải tạo Khu di tích Áp chiến lược kiểu mẫu Bến Tượng, xã Lai Hưng, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương	LH	Nhóm C												50,000			50,000			
B	<b>VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH HUYỆN</b>					14.503.502	0	0	14.503.502	1.150.000	0	0	1.150.000	1.200.000	0	0	1.200.000	2.230.000	0	0	2.230.000
B.1	Hạ tầng giao thông, công nghiệp																				
B.2	Quản lý nhà nước					14.503.502	0	0	14.503.502	1.150.000	0	0	1.150.000	1.200.000	0	0	1.200.000	2.210.000	0	0	2.210.000
I	Thực hiện dự án (Công trình chuyển tiếp)					14.503.502	0	0	14.503.502	1.150.000	0	0	1.150.000	1.200.000	0	0	1.200.000	2.210.000	0	0	2.210.000
1	Xây dựng mới trung tâm hành chính công huyện Bầu Bàng	LU	Nhóm C	2022-2023		0			0			50.000			50.000	10.000			10.000		
2	Gói thiết bị nhà Công vụ huyện Bầu Bàng	LU	Nhóm C	2022-2023	Số 3248 ngày 09/9/2022	14.503.502			14.503.502	1.150.000			1.150.000	1.150.000		1.150.000	2.200.000			2.200.000	
B.3	Hạ tầng văn hóa, xã hội					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20,000	0	0	20,000		
	Ban Quản lý dự án					0	0	0	0	0	0	0	0	0	20,000	0	0	20,000			
I	Thực hiện dự án (Công trình chuyển tiếp)					0	0	0	0	0	0	0	0	0	20,000	0	0	20,000			
1	Nghĩa trang liệt sĩ giai đoạn 2	LH	Nhóm C												10,000			10,000			
2	Tượng Đài huyện Bầu Bàng	LU	Nhóm C												10,000			10,000			